

PHỤ LỤC 6

(Kèm theo Thông tư số 79 /2009/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 14 / 12 /2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ)

BẢNG CHẤM ĐIỂM XẾP HẠNG CÁC BAN QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG
(Vườn Quốc gia; Khu bảo tồn thiên nhiên; Khu bảo vệ cảnh quan; khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học)

TT	Tiêu chí	Số điểm	Ghi chú
1	Quy mô (diện tích rừng do đơn vị quản lý)	25	
	Từ 60.000 ha trở lên	25	
	Từ 20.000 đến dưới 60.000 ha	20	
	Dưới 20.000 ha	15	
2	Phạm vi hoạt động	25	
	Liên tỉnh	25	
	Trong một tỉnh	20	
3	Biên chế của đơn vị	20	
	Từ 100 người trở lên	20	
	Từ 50 đến dưới 100 người	15	
	Dưới 50 người	10	
4	Trình độ cán bộ, viên chức của đơn vị (tỷ lệ viên chức có trình độ đại học và sau đại học trên tổng biên chế của đơn vị)	15	
	Từ 60% trở lên	15	
	Từ 30% đến dưới 60%	12	
	Dưới 30%	10	
5	Kết quả hoạt động kinh doanh	15	
	Doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm trở lên	15	

	Doanh thu dưới 1 tỷ đồng/năm	10	
--	------------------------------	----	--

Hạng I : Từ 90 điểm trở lên

Hạng II : Từ 70 điểm đến dưới 90

Hạng III : dưới 70 điểm

Nguồn: Thông tư liên tịch 79/2009/TTLT-BNNPTNT-BNV